

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 508 / HĐND - VP

Đồng Nai, ngày 21 tháng 8 năm 2017

V/v thay đổi phụ lục đính kèm
Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND
ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh

Đ Ề N	SỐ TÀI NGUYÊN MỸ TRUI NG
	Số 15626 Ngày 23/8/2017

Kính gửi:

- UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;

Tại kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh Đồng Nai Khóa IX nhiệm kỳ 2016 -2021 đã thông qua Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2017 quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2017.

Do sơ xuất trong khâu phát hành văn bản, phụ lục đính kèm Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 có nhầm với bản phụ lục dự thảo.

Để đảm bảo tính chính xác đối với nội dung đã được HĐND tỉnh thông qua về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Thường trực HĐND tỉnh xin được thay đổi phần phụ lục chính thức đính kèm Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2017 (đính kèm Phụ lục).

Thường trực HĐND tỉnh kính mong các cơ quan thông cảm và phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; TNMT
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, (N.Bình).



**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



PHỤ LỤC

THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI

*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND
* ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai*

STT	LOẠI TÀI LIỆU	ĐVT	MỨC THU PHÍ (Đồng)			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
I	Hồ sơ tài liệu đất đai					
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
3	Hồ sơ địa chính	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
4	Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
5	Hồ sơ đánh giá đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
6	Hồ sơ thẩm định và bồi thường	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
7	Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
8	Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
9	Số liệu phân hạng, đánh giá đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
10	Số liệu tài liệu thổ nhưỡng	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
11	Số liệu tài liệu bản đồ đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
12	Số liệu điều tra về giá đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
13	Atlas Đồng Nai	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000

14	Thông tin về giá của thửa đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
15	Thông tin chi tiết của thửa đất	01 trang	39.000	33.000	41.000	33.000
16	Tài liệu kết quả đấu giá quyền sử dụng đất	01 trang	39.000		41.000	
II	Các loại bản đồ					
1	Bản đồ phân hạng đất	01 mảnh	96.000	79.000	101.000	81.000
2	Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất	01 mảnh	96.000	79.000	101.000	81.000
3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	01 mảnh		79.000		81.000
4	Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất	01 mảnh		79.000		81.000
5	Bản đồ địa chính	01 mảnh	96.000	79.000	101.000	81.000
6	Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai	01 mảnh	96.000	79.000	101.000	81.000
7	Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 mảnh	96.000	79.000	101.000	81.000
8	Bản đồ chuyên đề	01 mảnh	96.000	79.000	101.000	81.000
III	Hồ sơ khác					
1	Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10 thửa	45.000		48.000	

Ghi chú:

- Mức trên tính cho 01 trang, khi số trang tăng thêm mỗi trang tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 01 mảnh, khi số mảnh tăng thêm mỗi mảnh tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 10 thửa, nếu số thửa thay đổi thì mức tính theo tỷ lệ thuận với mức trên.

Đối với trường hợp nếu mức thu một bộ hồ sơ, tài liệu có nhiều trang và nhiều tờ bản đồ vượt quá 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu thì thực hiện mức thu bằng 300.000 đồng/ hồ sơ, tài liệu.